

HÀNG ĐỘNG ĐÁ VÔI Ở VIỆT NAM VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA CỦA NGƯỜI VIỆT CỒ

KS. Nguyễn Đức Khá

Dại học Tông hợp Hà Nội

Địa hình karst phô biến rất rộng rãi ở miền Bắc Việt Nam, ước gần 60.000 chiếm tới 1/5 diện tích lánh thô. Có thể gặp dạng địa hình hang động karst ở bất kỳ đá vôi nào, cho dù chúng đang còn ở giai đoạn phát triển trẻ, trưởng thành hay già. Số lượng các hang động có kích thước đáng kể phải tới hàng nghìn, hàng vạn,... tính riêng số hang karst đã được đoàn công tác của bộ môn Địa mạo, trường Đại Tông hợp Hà Nội, tiến hành khảo sát, do vē độc lập (trong những năm 1973-1974) công tác khảo sát, do vē với các chuyên gia Bungari (năm 1989), các chuyên gia (trong những năm 1990, 1992) ở các khu vực Bắc Sơn, Ninh Bình, Hòa Bình, Hạ Lom Kê Bàng (Quảng Bình) ... cũng đã tới con số hàng trăm.

Các hang động hoặc mái đá ở Việt Nam đều thuộc miền núi đá vôi, trên đó mọc rùng râm nhiệt đới, xanh quanh năm. Đa số chúng lại được phân bố cạnh nguồn nước rất thuận tiện cho việc cư trú, sinh hoạt của người Việt nguyên thủy. Chính vì vậy, các cốt hóa thạch của người nguyên thủy đã được lần lượt phát hiện trong các hang động mái đá vôi ở miền Bắc Việt Nam và loại hình "di chỉ hang động" đã là loại hình phổ biến nhất trong các di chỉ khảo cổ thuộc thời đại đồ đá ở Việt Nam.

Sơ lược về các di tích hóa thạch của người Việt nguyên thủy trong hang động. Cuối cuộc tìm kiếm, khai quật dấu vết người nguyên thủy trong các hang động và mái đá ở miền núi Bắc Sơn, Hòa Bình, Thanh Hóa... đã được tiến hành từ những năm 1926, 1930 bởi nhà nghiên cứu M. Colani. Tiếp sau E. Saurin và J. Fromaget cũng đã tiến hành nghiên cứu ở Nghệ An, Thanh Hóa, Thượng Lào,... Các nhà khảo cổ Việt Nam trong hơn 30 năm qua cũng đã nhiều lần tìm kiếm, khai quật khảo cổ trên một địa bàn rộng lớn ở miền Bắc Việt Nam... Tuy vậy dấu vết hóa thạch của người nguyên thủy đã phát hiện được còn rất ít ỏi.

Niên đại cổ nhất của người Việt nguyên thủy đã được tìm thấy ở các hang Tham Khuyên, Tham Hai (xã Tân Văn - Bình Gia - Lạng Sơn). Tại đây, trong thời gian 1964-1965, các nhà khảo cổ đã thu được một số răng người hóa thạch (thường gọi là "người vượn Lạng Sơn") nằm trong lớp trầm tích màu đỏ cùng với xương của một số động vật như báo sao, lợn rừng, nhím... Đặc biệt là có cả xương của một số động vật hiếm, đã hóa thạch như Gấu tre (*Alluropoda melanoleuca*), voi răng kiêm (*Stegodon orientalis*) dưới ướt lùn (*Pongo pygmaeus*), vượn không lồ (*Gigantopithecus*)... (Trần Quốc Vương, 1978). Không tìm thấy các công cụ đá trong các hang này.

Theo Lê Trung Khá (1974), răng người vượn Lạng Sơn có hình thái không khác răng người vượn Bắc Kinh (*Sinanthropus pekinensis*) và có thể nằm trong dòng tiến hóa Người vượn Bắc Kinh - người vượn Lạng Sơn - người Mã Bá (Quảng Đông - Trung Quốc). Niên đại của người vượn ở hang Tham Hai và Tham Khuyên là 250.000 - 300.000 năm (sơ kỉ đá cũ - Protopaléolit).

Trong những năm 1935-1936 J. Fromaget và E. Saurin cho rằng họ đã tìm thấy di cốt người vượn gõm răng, các mảnh xương sọ, xương thái dương... tương tự như hóa tích người vượn Bắc Kinh cùng với một số đồ đá cuội, đeo thô sơ ở các hang Tam Lang, Tam Paloi (trên dãy Trường Sơn - thuộc Thượng Lào), hang Thung Lang (Đồng Lao - Ninh Bình)... nhưng những kết quả nghiên cứu gần đây cho biết những lớp trầm tích đá cổ niên đại rất muộn (*Pleistocene muộn*) và con người thuộc thời đó đã khá phát triển (Trần Quốc Vượng, 1978).

Tại hang Thầm Om (tây Nghệ An), năm 1976-1977 các nhà khảo cổ cũng đã tìm thấy một số răng hóa thạch của người cổ cùng với một số xương của gấu tre, voi răng kiếm, voi ươi lùn,... Những răng này có niên đại muộn hơn răng của người vượn Lạng Sơn và cũng có những đặc điểm vừa giống răng của người vượn Bắc Kinh lại vừa giống răng của người hiện đại (*Homo sapiens*), Trần Quốc Vượng (1978) cho chúng là răng của loài người đứng thẳng muộn ở Việt Nam (*Homo erectus*).

Các di tích hóa thạch xương và răng của người Việt cổ có niên đại muộn hơn (trung - hậu kỳ đá cũ) cũng được tìm thấy ở hang Hùm (Tân Lập - Lạng Sơn), hang Kéo Làng (Lạng Sơn), hang Thung Lang (Ninh Bình), hang Soi Nhụ (Quảng Ninh),... (30.000-20.000 năm) và muộn hơn nữa - vào thời đại Đá giữa (Mésolit) - Đá mới (éolit), thấy ở hang Đắng (Cúc Phương), hang Làng Gạo (Hòa Bình), hang Nậm Tun (Thổ - Lai Châu),... (10.000-4.000 năm).

Điều đáng tiếc là, trong điều kiện khắc nghiệt của khí hậu nhiệt đới ẩm, những di tích hóa thạch của người nguyên thủy có niên đại sớm đã bị hủy hoại mạnh mẽ theo thời gian. Cho đến nay, chưa tìm thấy một di cốt hóa thạch nào còn tương đối nguyên vẹn. Vì vậy việc nghiên cứu sự phát triển của người Việt cổ và đặc điểm nhân chủng học của người Việt cổ vẫn còn nhiều mảng trống.

Các nền văn hóa khảo cổ trong hang động. Các "di chỉ hang động" đã phát hiện được ở miền núi đá vôi Bắc Việt Nam có khối lượng rất lớn. Chỉ riêng nhà địa chất - cổ M. Colani, trong những năm 1926-1930 cũng đã tìm thấy 54 di chỉ của nền văn hóa Hòa Bình (Mésolit) trong các hang động và mái đá ở dãy đá vôi Mộc Châu - Sơn La - Hòa Bình - Ninh Bình - Thanh Hóa. Trên phạm vi các khối đá vôi toàn miền Bắc Việt Nam, số lượng các di chỉ khảo cổ tìm thấy trong hang động trong thời đại đồ đá, lên tới hàng trăm.

Niên đại sớm nhất của các nền văn hóa trong hang động Việt Nam là *Văn hóa Sơn Vi* (hậu kỳ đá cũ) do các nhà khảo cổ Việt Nam xác lập 1968. Văn hóa Sơn Vi phân bố trên một địa bàn rất rộng từ Lào Cai ở phía bắc đến Thanh Hóa ở phía nam, từ Sơn La ở phía tây-bắc đến lưu vực sông Lục Nam ở đông bắc và gồm 2 dạng di chỉ: 1, di chỉ trên trời (di chỉ phù sa) nằm trên các góp, dồi thuộc các bậc thềm của sông Hồng, sông Đà, sông Lục Nam... và 2, di chỉ hang động, phân bố trong vùng núi đá vôi Sơn La - Lai Châu, Ninh Bình, Thanh Hóa,...

Hầu như tất cả công cụ của văn hóa này đều được chế tác từ cuội sông (Pebble ls). Phần dốc cần vẫn giữ nguyên vỏ cuội, chỉ có ghề dẽo ở rìa cạnh viền cuội. Các hòn đá, bàn nghiên bằng cuội thì chỉ có dấu vết sử dụng, không có dấu vết ghề dẽo.

Các di chỉ hang động của văn hóa Sơn Vi rất phong phú: hang Ông Quyền (Mai Lù - Hòa Bình), hang Núi Một (Cầm Thủy - Thanh Hóa), hang Pông (Mộc Châu),... Cố gắng hang mà số lượng công cụ đá tìm được rất lớn như hang Nậm Tun (Phong Thổ -

Lai Châu) có trên 700 mảnh tước cùng với nhiều xương của động vật hóa thạch. Đặc thù vị trí tại hang con Moong (Cúc Phương) các nhà khảo cổ đã tìm thấy di chỉ của nền văn hóa nối tiếp nhau theo thời gian nhưng cùng tồn tại trên một mặt cắt. Số mảnh là Văn hóa Sơn Vi (Paléolit), rồi đến 2 văn hóa kế tiếp muộn hơn là Văn hóa Hòa Bình (Mésolut) và Văn hóa Bắc Sơn (Néolit).

Phát triển muộn hơn và nối tiếp với văn hóa Sơn Vi là Văn hóa Hòa Bình. Văn hóa Hòa Bình được M. Colani điều tra và xác lập từ năm 1928-1930, thuộc thời đại Đá già (Mésolut). Tuyệt đại đa số những di chỉ thuộc nền Văn hóa Hòa Bình là những hang đá vôi. Vì vậy có người gọi Văn hóa Hòa Bình là "Văn hóa hang động".

Cuội sông gần như là nguyên liệu duy nhất của kỹ nghệ đẽo đá Hòa Bình, vì vậy ngày nay cũng gọi Văn hóa Hòa Bình là "Văn hóa cuội" (Pebble culture). Trong Văn hóa Hòa Bình, phần lớn công cụ được ghẽ dẽo ở một mặt còn một mặt vẫn giữ nguyên vỏ tự nhiên của đá cuội. Các chày nghiền, bàn nghiền hạt, hòn ghề,... bằng đá cuội cũng chỉ có dấu vết sử dụng, không có dấu vết gia công. Đặc biệt, kết cấu tầng văn hóa của nền Văn hóa Hòa Bình thường xốp và chứa rất nhiều vỏ ốc. Vì thế, chính M. Colani đã gọi nhân của Văn hóa Hòa Bình là "những người ăn ốc".

Số lượng di chỉ của nền Văn hóa Hòa Bình đã tìm được trong hang động đặc biệt lớn: hang Xóm Giỗ, hang Mường Kháng, hang Mường Chuông, hang Mường Khăm, hang Chiềng Xển (Sơn La - Mộc Châu), hang Đắng (Cúc Phương), hang Súng Sầm, hang Lò Gạo, hang Đồng Nôi, hang Bưng (Hòa Bình), hang Thầm Hai (Con Cuông), hang Chanh, hang Kẻ Sang, hang Bản Đóm (Nghệ An), hang Tùng, hang Sào Đông (Ninh Bình),..., những di chỉ có số lượng công cụ đặc biệt lớn, như hang Làng Bon (Thanh Hóa) tầng văn hóa dày 3-3,7m chứa tới 2.378 hiện vật. (Trần Quốc Vượng 1978).

Nền Văn hóa Bắc Sơn (Néolit) do H. Mansuy, M. Colani xác lập 1924-1925, được phát triển từ nền Văn hóa Hòa Bình và giống như Văn hóa Hòa Bình, những di chỉ của nền văn hóa này hầu như chỉ tìm thấy ở các hang động đá vôi. Địa bàn phân bố của Văn hóa Bắc Sơn tương đối rộng: Bắc Sơn - Lạng Sơn, Bắc Thái, Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa...

Công cụ đá của Văn hóa Bắc Sơn ngoài một số ít công cụ đẽo của văn hóa Hòa Bình bao gồm chủ yếu là loại rìu đá chi mài ở lưỡi, các bàn mài sa thạch, các "dấu" Bắc Sơn đặc biệt có các đẽo gõm có dấu dan, đáy tròn, miệng loe,... rất tiêu biểu cho thời đại mới.

Các di chỉ của Văn hóa Bắc Sơn tuy không phong phú bằng Hòa Bình nhưng cũng có số lượng đáng kể: hang Bó Man (Bằng Mạc), hang Thầm Khoách (Bình Gia), hang Lò Cườm (Bắc Sơn), hang Nà Ché, hang Minh Lê, hang Bó Lúm (trong khối Bắc Sơn)...

Trước khi bước sang thời đại kim khí, trong các hang động, mái đá thuộc khu vực biên giới Quảng Ninh và các hải đảo trong vịnh Hạ Long, đã tồn tại một nền văn hóa thuộc giai đoạn Đá mới muộn - nền Văn hóa Hạ Long (các nhà khảo cổ Việt Nam xác lập 1965-1968).

Di chỉ của Văn hóa Hạ Long bao gồm 2 loại hình: hang động và ngoài trời trong di chỉ ngoài trời có số lượng phong phú hơn (Cát Bà, Tuần Châu, Ngọc Vừng, bãi Chợ Xích Thờ, Quất Đông, Thoi Giếng...).

Hình loại công cụ của Văn hóa Hạ Long rất đa dạng, phong phú. Phát triển các công cụ đá được chế tạo bằng phương pháp cưa, khoan, mài mà đặc trưng là những chiếc t

val, có nóc khá đẹp và đặc biệt đã sản xuất được đồ gốm bằng kĩ thuật bàn xoay...

Nền Văn hóa Hạ long là nền văn hóa cuối cùng, tồn tại trong các hang động đá vôi ở Việt Nam. Các thời đại đồ đồng, đồ sắt,... sau này, không còn thấy dấu vết ở các hang động đá vôi nữa.

Đặc điểm tự nhiên của các hang động có di chỉ khảo cổ. Các di chỉ hang động ở trên núi đá vôi Bắc Việt Nam tuy rất phong phú và đa dạng về hình thái, kích thước, vị trí... song chúng đều có những nét chung là thuận tiện cho sự cư trú, di lại, tự vệ, sinh tồn... của người nguyên thủy trong thời đại đồ đá.

Hang động hay mái đá được dùng làm nơi cư trú thường nằm trong trạng thái tự nhiên của chúng, hầu như không có dấu vết của sự cải tạo hay gia cố. Sinh hoạt của người nguyên thủy phần lớn chỉ tập trung ở phần gần cửa hang, chỗ nền hang bằng phẳng, rộng rãi. Hang động, mái đá là nơi trú nau ban đêm, nơi tránh mưa, nắng, gió, rét, trú ẩn, nơi tập trung, phân phối và nấu nướng thức ăn, nơi diễn ra những sinh hoạt hàng ngày của bầy người nguyên thủy. Tùy theo kích thước của mỗi hang mà số người trong hang nhiều hay ít. Thông thường, mỗi hang chứa được vài chục người.

Các hang động khảo cổ thường cao ráo, thoáng đãng, nhiều ánh sáng, cửa hang thường quay về hướng nam (nam, tây nam, đông nam) để tránh ngọn gió đông bắc lạnh. Các hang đều phân bố gần sông, suối vừa tiện cho sinh hoạt, săn bắt, vừa gần nguồn nguyên liệu (cuội, tảng) để chế tạo các loại công cụ đá.

Hình thái cửa hang tuy khác nhau nhưng đa số đều thu nhỏ ở ngoài, mở rộng phía trong, để lên xuống và đều là cửa hang dạng "mái đá" (trần hang nhô ra so với đáy hang) chứ không phải cửa hang dạng "hứng nước" (trần hang thụt vào so với đáy hang). Cửa hang dạng "mái đá" có tác dụng ngăn cản nước mưa và cả nước bể mặt chảy trực tiếp vào hang, do đó hang luôn được khô ráo.

Theo số liệu thống kê của đoàn khảo sát-do vẽ hang động trong khối đá vôi Bắc Sơn thuộc bộ môn Địa mạo, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1973-1974), toàn bộ các hang động ở khu vực này có thể xếp vào 4 tầng chính dựa vào độ cao tương đối của cửa hang với bể mặt cánh đồng karst phía dưới hoặc so với chân núi.

- tầng 1- thấp nhất Độ cao 2-3m.
- tầng 2- Độ cao 6-8m.
- tầng 3- Độ cao 13-18m.
- tầng 4- Cao nhất. Độ cao 25-40m hoặc hơn.

Các hang ở tầng 1 thường là hang nước, nối thông với hệ thống sông suối trong khu vực. Hang thường ẩm ướt, có nhiều dòng nước karst nhỏ, từ trên nóc hang chảy nhỏ giọt xuống dưới. Vì vậy các hang này hầu như không có các di chỉ khảo cổ.

Các hang có di chỉ khảo cổ chiếm số đông nhất nằm trong các tầng 2 và 3 (6-8m; 18m). Các hang động ở tầng cao (25-40m hoặc hơn) có số di chỉ hạn chế, có lẽ do di chúc khẩn hoặc cửa hang quá bí mật, người nguyên thủy khó phát hiện ra. Tuy nhiên có những trường hợp ngoại lệ đặc biệt như hang Ba Xã (Bắc Sơn), độ cao tương đối với mặt ruộng (bề mặt cánh đồng karst) lên tới 108m vẫn có di chỉ khảo cổ với văn hóa dày tới 1,3m (niên đại Đồ đá mới muộn).

Khả năng tìm thấy các di chỉ khảo cổ mới ở hang động.

Trải qua 70 năm tìm kiếm, khai quật các di chỉ khảo cổ ở các hang động, mái đá thuộc các vùng núi đá vôi ở Bắc Việt Nam của các nhà khảo cổ Pháp và Việt Nam, có thể nói rằng cho đến nay, hầu hết các di chỉ khảo cổ trong khu vực giao lưu thuận tiện giữa miền núi và đồng bằng ở lãnh thổ này đều đã lần lượt được phát hiện, số di chỉ còn sót lại, vẫn dấu trong lòng các hang động, mái đá chưa được phát hiện sẽ không nhiều và việc tìm kiếm chúng hoàn toàn khó khăn, tốn kém. Tuy vậy vẫn có khả năng phát hiện chúng trong những điều kiện đặc biệt sau đây:

1. Trong những hang động có cửa hang bị quá trình sụt lở lắp kín hoặc gần kín.
2. Trong những hang động, vốn trước đây có nền hang bằng phẳng rộng rãi nhưng do quá trình sụt trặc sau đó mà hiện nay đáy hang lõn nhõn đá tảng và các sản phẩm vật lý của quá trình sườn.
3. Trong những hang động, trước đây vốn rộng rãi, thoáng đãng nhưng do sự hình thành thạch nhũ diễn ra mạnh mẽ mà hiện nay lòng hang hầu như bị lắp gần kín bởi các khối thạch nhũ.
4. Trong những hang động bị chôn vùi dưới các lớp trầm tích trẻ hoặc dưới mực nước biển do quá trình hạ lún tân kiến tạo hoặc sự thay đổi mực nước đại dương xảy ra trong thời kỳ Holoxen muộn.
5. Trong những hang động thuộc các vùng núi cao hoặc núi hiểm trở, có điều kiện giao thông khó khăn với vùng xuôi như vùng núi đá vôi Cao Bằng, Hà Giang, Lai Châu, Ké Bàng (Quảng Bình),...
6. Năm 1974, Nguyễn Đức Tùng có nói tới khả năng có thể phát hiện các di chỉ của nền Văn hóa Sơn Vi và Văn hóa Hòa Bình ở trung tâm đồng bằng Bắc Bộ, dưới những lớp đất sâu - 40m và -13m. Ý kiến này hoàn toàn không có cơ sở thực tế và cũng không phù hợp với những đặc trưng của 2 nền văn hóa này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Trung Khả "Tìm hiểu vấn đề Neandertan". Tập san khảo cổ học số 16-1974.
2. Nguyễn Quang Mỹ, Đào Đình Bác, Nguyễn Đức Khả, Nguyễn Võ Dân "Đặc điểm địa mạo cấu tạo khu vực Lạng Sơn và phụ cận". Phần phụ lục- 55 sơ đồ hang động. Lưu trữ tổng cục Địa chất 1976.
3. Nguyễn Đức Tùng "Có thể phát hiện văn hóa Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình ở đồng bằng Bắc Bộ". Tập san khảo cổ học, số 16-1974.
4. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Diệp Đình Hoa "Cơ sở khảo cổ học". Nxb Bộ Đại học và THCN, Hà Nội 1978.

KARST CAVES AND THE CULTURES OF AN ARCHAIC MAN IN VIETNAM

Ing. Nguyen Duc Kha

Hanoi University

In Vietnam, fossils of archaic Vietnamese man have been found in many karst areas by researchers (M. Colani, E. Saurin, J. Fromaget, Le Trung Kha, etc). Four ancient cultures are also found in karst caves. They are Sonvi, Hoabinh, Bacson and Halong Cultures. Based on analysing the natural conditions wof karst caves where archaic remains have been found, the author of the paper gives six conditions for discovering the archaic remains in other karst caves in the future.